



TienPhong Bank

NGÂN HÀNG TIÊN PHONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2011

Số: *AJ8*/2011/TPB.PC

V/v góp ý Dự thảo Thông tư hướng dẫn điều kiện, hồ sơ, trình tự và thủ tục góp vốn, mua cổ phần của TCTD (lần 2)

**Kính gửi:** NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM  
CƠ QUAN THANH TRA, GIÁM SÁT NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("*Ngân hàng Tiên Phong*") xin được gửi lời chào trân trọng tới Quý Cơ quan.

Ngân hàng Tiên Phong nhận được Công văn số 5318/NHNN-TTGSNH ngày 08/7/2011 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc góp ý dự thảo Thông tư hướng dẫn điều kiện, hồ sơ, trình tự và thủ tục góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng.

Bằng văn bản này, chúng tôi xin được đóng góp ý kiến đối với Dự thảo như sau:

**1. Về phạm vi điều chỉnh:**

- a) Theo quy định tại Khoản 4, 5 Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng, việc ngân hàng góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp hoạt động trong "lĩnh vực khác" ngoài các lĩnh vực như bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối... thì mới phải xin chấp thuận trước của Ngân hàng Nhà nước. Do đó, quy định về "đầu tư danh mục vốn" cần phải tách bạch rõ điều này (*loại trừ việc góp vốn, mua cổ phần vào các lĩnh vực không phải xin chấp thuận trước như bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối...*) để đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng
- b) Đề nghị quy định cụ thể dự thảo này có thay thế các văn bản hiện hành đang quy định về việc thành lập và hoạt động của các công ty trực thuộc của ngân hàng thương mại thuộc lĩnh vực Ngân hàng Nhà nước quản lý, ví dụ công ty quản lý nợ và khai thác tài sản, công ty cho thuê tài chính... hay không, bởi khi có nhu cầu thành lập công ty con, công ty liên kết thì việc ngân hàng tuân thủ về hồ sơ, thủ tục, trình tự trong văn bản này có thể là không đủ, mà còn phải căn cứ vào các văn bản khác của Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể đối với lĩnh vực đó và điều đó có khả năng dẫn đến sự chồng chéo.

**2. Về sự tương thích giữa quy định về hồ sơ, điều kiện góp vốn, mua cổ phần và quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn (trong đó có giới hạn góp vốn, mua cổ phần)**





- a) Theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng 2010, sẽ có 3 phạm vi mà tổ chức tín dụng được góp vốn, mua cổ phần: mua lại, thành lập công ty con (là công ty mà tổ chức tín dụng sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết); mua lại, thành lập công ty liên kết (là công ty mà tổ chức tín dụng sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con); và góp vốn, mua cổ phần vào các lĩnh vực khác.

Theo quy định tại Thông tư số 13/2010/TT-NHNN ngày 20/5/2010 quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, mức góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng trong một doanh nghiệp, quỹ đầu tư, dự án đầu tư, tổ chức tín dụng khác không được vượt quá 11% vốn điều lệ của doanh nghiệp, quỹ đầu tư, dự án đầu tư, tổ chức tín dụng khác đó, trừ trường hợp góp vốn, mua cổ phần thành lập công ty trực thuộc (là công ty con của tổ chức tín dụng hoạt động trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm, ngân hàng và quản lý; khai thác, bán tài sản trong quá trình xử lý tài sản bảo đảm tiền vay và tài sản mà Nhà nước giao cho tổ chức tín dụng xử lý thu hồi nợ).

Có thể thấy rằng nếu thực hiện theo Thông tư 13 thì tổ chức tín dụng sẽ không mua lại hay thành lập được công ty liên kết như quy định trong Luật Các tổ chức tín dụng 2010 do tỷ lệ trên 11% sẽ vi phạm giới hạn trong Thông tư 13. Dự thảo thay thế Thông tư 13 cũng chưa giải quyết được vấn đề này khi tại Khoản 1 Điều 18 quy định chung về việc ngân hàng thành lập công ty con, công ty liên kết và góp vốn, mua cổ phần đối với doanh nghiệp khác; tại Khoản 1 Điều 20 cùng dự thảo đó quy định mức góp vốn, mua cổ phần của một ngân hàng vào một doanh nghiệp quy định tại Khoản 1 Điều 18 tối đa không quá 11% vốn điều lệ của doanh nghiệp nhận vốn góp, mua cổ phần (nếu căn cứ theo cách quy định này thì thậm chí ngân hàng không thành lập được công ty con).

Điều này đặt ra yêu cầu về việc dự thảo này và văn bản sửa đổi, bổ sung hay thay thế Thông tư 13 cần phải được ban hành đồng thời và không có sự mâu thuẫn nhau, đảm bảo tính khả thi và phù hợp cho việc tuân thủ của tổ chức tín dụng.

- b) Tại Điều 18 dự thảo Thông tư quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước soạn thảo có quy định về điều kiện góp vốn, mua cổ phần của ngân hàng, trong khi quy định tại dự thảo này quy định điều kiện đối với tổ chức tín dụng nói chung. Điều này dẫn đến quy định về điều kiện cũng như đối tượng áp dụng các điều kiện đó trở nên phân tán và khó theo dõi, tuân thủ. Trong điều kiện Quý cơ quan đang soạn thảo đồng thời cả hai dự thảo Thông tư nói trên, đề nghị tập trung quy định về điều kiện trong Thông tư này, với Thông tư về tỷ lệ bảo đảm an toàn thuần túy chỉ quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn.
- c) Một số quy định mang tính điều kiện trong dự thảo Thông tư này thực chất là quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn (giới hạn góp vốn, mua cổ phần). Ví dụ:

- “Tổng tài sản của tất cả các công ty con không vượt quá 45% tổng tài sản (trên cơ sở hạch toán hợp nhất) của tổ chức tín dụng”; “Mức góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng tại một công ty con không được vượt quá 15% vốn điều lệ và quỹ dự trữ của tổ chức tín dụng” (Khoản 13, 14 Điều 8); Khoản 12, 13 Điều 13; Khoản 5 Điều 18...



- Trong khi đó, dự thảo thay thế Thông tư 13 về tỷ lệ bảo đảm an toàn quy định tổng mức góp vốn, mua cổ phần của một ngân hàng vào các doanh nghiệp, kể cả các công ty con, công ty liên kết của ngân hàng đó không được vượt quá 40% vốn điều lệ và quỹ dự trữ của ngân hàng. Nghĩa là dự thảo về điều kiện góp vốn, mua cổ phần quy định về tỷ lệ riêng lẻ, còn dự thảo thay thế Thông tư 13 quy định tỷ lệ tổng hợp. Cùng một lúc, tổ chức tín dụng phải căn cứ vào 2 văn bản để thực hiện quy định về tỷ lệ.

Theo đó, những nội dung về tỷ lệ bảo đảm an toàn nên được quy định tập trung trong một văn bản vì đây không chỉ là điều kiện tại thời điểm xin góp vốn, mua cổ phần mà là tỷ lệ mà tổ chức tín dụng luôn phải duy trì trong suốt quá trình hoạt động.

### 3. Về giải thích từ ngữ (Điều 3):

Phụ lục 3 giải thích hai khái niệm mới là “*quản lý tài sản bảo đảm*” và “*kiều hối*”, ngoài ra là các dẫn chiếu đến các khái niệm đã được quy định tại các văn bản khác:

- Khái niệm “*quản lý tài sản bảo đảm*” được giải thích là phù hợp; tuy nhiên không nên quy định thêm phần nội dung hoạt động của các công ty con hoạt động trong lĩnh vực quản lý tài sản bảo đảm vì (i) nội dung này không thuộc phạm vi giải thích khái niệm; và (ii) hoạt động của các công ty con trong lĩnh vực này sẽ được điều chỉnh bởi văn bản khác (ví dụ văn bản thay thế Quyết định số 1390/2001/QĐ-NHNN ngày 07/11/2001 của Ngân hàng Nhà nước ban hành Điều lệ mẫu của công ty quản lý nợ và khai thác tài sản trực thuộc ngân hàng thương mại) mà không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo về điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng.
- Khái niệm “*kiều hối*” được giải thích là cần thiết vì trong Luật Các tổ chức tín dụng có đề cập đến nhưng không giải thích; quy định của Thủ tướng Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước lại chỉ nói đến việc người Việt nam ở nước ngoài chuyển tiền về nước; trong khi khái niệm này rất hay được sử dụng trên thực tế.
- Các khái niệm khác được dẫn chiếu là không cần thiết vì đương nhiên sẽ phải sử dụng các thuật ngữ đó trong những trường hợp liên quan; trừ khi cơ quan soạn thảo thấy rằng có nhiều cách giải thích khác nhau và cần phải định hướng sử dụng cách giải thích trong văn bản nào.

### 4. Về góp vốn, mua cổ phần dưới hình thức đầu tư danh mục vốn (Chương IV)

- Như đã nêu tại điểm 1 văn bản này, để đúng với nội dung tại Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng 2010, đề nghị quy định rõ việc góp vốn, mua cổ phần ngoài các lĩnh vực bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối... thì mới phải xin chấp thuận trước của Ngân hàng Nhà nước.
- Việc góp vốn, mua cổ phần dưới hình thức đầu tư danh mục vốn phải được chấp thuận trước của Ngân hàng Nhà nước theo từng lần góp vốn, mua cổ phần hay chỉ cần xin chấp



thuận một lần mang tính nguyên tắc và sau đó tổ chức tín dụng được thực hiện miễn là tuân thủ các quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn và duy trì các điều kiện đã được Ngân hàng Nhà nước xem xét? Theo Điều 19 và mẫu Phụ lục 1, tổ chức tín dụng sẽ đề nghị chấp thuận về lĩnh vực dự kiến đầu tư, ở Việt nam hay ở nước ngoài; tại chương V không có quy định về thay đổi các nội dung đề nghị chấp thuận trước đó thì phải thông báo hay được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận. Để thống nhất về cách hiểu và áp dụng, đề nghị quy định rõ tính chất của việc xin chấp thuận này.

**5. Nội dung về thoái vốn (Điều 5, Điều 6):**

*Đề nghị bỏ quy định tại Điều 5 và Điều 6 vì những lý do sau:*

- a) Có thể thấy rằng, việc Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận một yêu cầu nào đó của tổ chức tín dụng là căn cứ vào những gì tổ chức tín dụng đang có tính đến thời điểm đề nghị. Điều này khác với hoạt động thanh tra, giám sát của Ngân hàng Nhà nước đối với tổ chức, hoạt động của tổ chức tín dụng (trong đó bao gồm cả việc góp vốn, mua cổ phần); những phát hiện về thông tin sai, vi phạm các quy định về tiêu chuẩn người đứng đầu, tỷ lệ bảo đảm... sẽ được Ngân hàng Nhà nước xử lý trong giai đoạn này (hậu kiểm), có thể là yêu cầu tổ chức tín dụng khắc phục, xử phạt vi phạm hành chính, rút giấy phép hoặc yêu cầu cơ quan cấp giấy phép thành lập, hoạt động, cơ quan đăng ký kinh doanh rút giấy phép... Theo đó, việc thoái vốn thực chất là nằm trong giai đoạn hậu kiểm và thuộc thẩm quyền xử lý của Ngân hàng Nhà nước khi phát hiện vi phạm. Thực chất yêu cầu thoái vốn chính là biện pháp khắc phục hậu quả "buộc khắc phục vi phạm trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm" tại Khoản 2 Điều 27 (Vi phạm về giới hạn góp vốn, mua cổ phần) của Nghị định số 202/2004/NĐ-CP ngày 10/12/2004 của Chính phủ về Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng. Và một khi đã vi phạm để bị xử phạt theo điều khoản này thì tổ chức tín dụng sẽ không đủ điều kiện để xin mở rộng nội dung hoạt động hay mở rộng mạng lưới... vì các quy định hiện nay của Ngân hàng Nhà nước thường lấy tiêu chí "chưa bị xử phạt vi phạm hành chính" làm một trong những điều kiện xem xét, chấp thuận một nội dung yêu cầu nào đó.
- b) Quy định tại Điều 5 về "có thông tin sai sự thật trong hồ sơ đề nghị chấp thuận": Nếu chỉ quy định chung chung như vậy là không hợp lý, mà cần phải có căn cứ để chỉ rõ rằng hồ sơ của tổ chức tín dụng có thông tin sai.
- c) Quy định về "không xem xét việc mở rộng nội dung hoạt động" được hiểu là mở rộng nghiệp vụ hay mở rộng mạng lưới? Nếu như yêu cầu thoái vốn không phải là một hình thức chế tài như đã nêu tại gạch đầu dòng thứ nhất tại điểm này, thì căn cứ vào đó để không xem xét mở rộng hoạt động của tổ chức tín dụng là không hợp lý.

**6. Một số nội dung khác:**

- a) Điều kiện để góp vốn, mua cổ phần dưới hình thức công ty con: Khái niệm "quý" ở Khoản 4 Điều 8 không xác định được thời hạn, Bộ luật Dân sự không quy định một "quý" là bao nhiêu thời gian. Đề nghị thay bằng "6 tháng" như quy định tại khoản trước và sau đó.



- b) Khoản 8 Điều 8: Quy định về “đôi tượng đang bị Ngân hàng Nhà nước buộc thu hẹp và/hoặc hạn chế hoạt động” được hiểu như thế nào và trong trường hợp nào, ví dụ việc buộc thu hẹp hay hạn chế hoạt động này là căn cứ vào văn bản yêu cầu/xử lý của Ngân hàng Nhà nước đối với một tổ chức tín dụng cụ thể, hay bao gồm cả các yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước đối với các tổ chức tín dụng nói chung (như giảm tỷ trọng cho vay phi sản xuất, giảm hoạt động liên ngân hàng...).

Trên đây là một vài góp ý của Ngân hàng Tiên Phong, rất mong Quý Cơ quan quan tâm xem xét và cân nhắc để hoàn thiện Dự thảo.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- VCCI (để biết, theo Công văn số 1579/PTM-PC)
- Lưu VP.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Tú

